TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2019/DS-PT
Ngày: 12 - 4 - 2019
V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Phạm Phước Thiền

Ông Lưu Văn Uẩn

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Trần Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chung.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2018/TLPT-DS ngày 23 tháng 10 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 115/2018/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 289/2018/QĐ-PT ngày 05 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Trúc K, sinh năm 1981;

Địa chỉ: 13A đường số 4, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*:

1. Bà Lại Thị L, sinh năm 1971;

2. Ông Lê Tấn T, sinh năm 1964;

Cùng địa chỉ: Ấp 3B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Lê Thị Trúc K.

- *Người làm chứng:* Đỗ Thanh B, sinh năm 1986;

Địa chỉ: 48/7C đường T, phường 1, quận X, thành phố Hồ Chí Minh.
(Bà K, bà L, ông T và ông B có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 4 năm 2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị Trúc K trình bày:

Bà có cho bà Lại Thị L và ông Lê Tấn T mượn các khoản tiền sau:
Ngày 17/7/2016: 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng);
Ngày 14/8/2016: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng);
Ngày 26/8/2016: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng);
Ngày 30/8/2016: 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng);
Không rõ ngày bà L mượn của bà thêm 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để chuộc hộ khẩu.

Tổng số tiền bà L và ông T mượn của bà là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Tháng 8/2017, bà L có trả cho bà được số tiền là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Hiện nay bà L và ông T còn thiếu bà 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Do đó bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T và bà L liên đới trả bà 80.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn, bà Lại Thị L trình bày:

Bà có mượn bà Lê Thị Trúc K lúc ban đầu 20.000.000 đồng, bà có ký giấy mượn tên của bà; lần thứ hai bà mượn 20.000.000 đồng bà K lấy lãi cứ 1.000.000 đồng/ ngày phải trả 20.000 đồng. Do không có tiền trả lãi nên bà tiếp tục mượn bà K 25.000.000 đồng để trả lãi cho bà K. Tất cả các lần mượn này bà có ký tên L nhưng bà không biết chữ chỉ biết ký tên L. Ngày 17/7/2016, bà K đưa cho bà 15.000.000 đồng nữa để trả lãi cho 65.000.000 đồng trước đó. Tổng cộng bà chỉ mượn bà K trước sau là 80.000.000 đồng và bà có thế chấp cho bà K một giấy chứng nhận quyền sử sụng đất mang tên bà. Lợi dụng bà không biết chữ bà K chèn thêm ngày tháng năm là 14/8/2016, 26/8/2016 và 30/8/2016 trước các dòng chữ mà bà ký nhận nợ là 20.000.000 đồng; 20.000.000 đồng và 25.000.000 đồng. Ngày 25/01/2017 bà đã trả bà K 40.000.000 đồng có ký nhận và tiếp theo ngày 15/7/2017 bà có trả bà K 100.000.000 đồng để chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính nên bà không còn thiếu bất cứ khoản tiền nào của bà K. Nay bà K đòi bà trả 80.000.000 đồng là bà không đồng ý.

Bị đơn ông Lê Tấn T thống nhất lời trình bày của bà L không bổ sung gì.

Tòa án có tiến hành hoà giải nhưng hòa giải không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 115/2018/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ quyết định:

Căn Điều 35, Điều 184, Điều 186, Điều 271, Điều 273 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 166 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 2014 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Trúc K "*Tranh chấp đòi tài sản* " với bà Lại Thị L và ông Lê Tấn T.

Buộc bà Lại Thị L và ông Lê Tấn T liên đới trả cho bà Lê Thị Trúc K 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Ngày 17/9/2018, nguyên đơn bà Lê Thị Trúc K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Ngày 29/11/2018 bà K có kháng cáo bổ sung, yêu cầu bà L và ông T trả lãi theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau để giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Căn cứ theo giấy nợ thể hiện bà L và ông T có vay của bà Kg tổng cộng là 150.000.000 đồng. Đối với số tiền 5.000.000 đồng bà L thừa nhận có mượn của bà K và cho rằng đã trả xong nhưng không được bà K thừa nhận và bà L không có chứng cứ chứng minh nên xác định bà L chưa trả khoản tiền này cho bà K. Đối với số tiền 40.000.000 đồng bà L đã trả cho bà K nhưng bà K cho rằng khoản tiền này không liên quan đến số tiền nợ đang tranh chấp, bà K khai không thống nhất, lúc thì cho rằng đây là khoản vay trả góp, lúc thì cho rằng là khoản vay có thế chấp bằng khoán khác của ông T nhưng không có căn cứ chứng minh nên xác định số tiền 40.000.000 đồng bà L đã trả cho bà K để thanh toán các khoản nợ đang tranh chấp là có căn cứ. Theo giấy thanh toán nợ ngày 15/7/2017 thể hiện bà L đã trả cho bà K 100.000.000 đồng và nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, bà L và ông T đã trả cho bà K tổng cộng là 140.000.000 đồng, còn thiếu 10.000.000 đồng. Đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bà K, sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc bà L và ông T liên đới trả cho bà K 10.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Các đương sự đều thống nhất bà K có cho bà L vay tiền và có lãi. Nay bà K yêu cầu bà L và ông T phải trả số tiền vay còn thiếu là

80.000.000 đồng nên có căn cứ xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm xác định "Tranh chấp đòi tài sản" là không đúng, cần sửa án sơ thẩm về quan hệ pháp luật cần giải quyết là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[2] Về số tiền vay:

Bà K có cho bà Lại Thị L vay các khoản tiền như sau:

Ngày 17/7/2016: 80.000.000 đồng , bà L và ông T có thế chấp cho bà K giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo số tiền vay, thời hạn trả đến ngày 17/7/2017;

Ngày 14/8/2016: 20.000.000 đồng, thời hạn trả một tháng;

Ngày 26/8/2016: 20.000.000 đồng, thời hạn trả một tháng;

Ngày 30/8/2016: 25.000.000 đồng, thời hạn trả một tháng;

Các khoản vay tên đều có ký tên của người vay là bà Lại Thị L.

Không rõ ngày bà L có vay thêm 5.000.000 đồng để chuộc hộ khẩu. Như vậy tổng cộng số tiền bà L vay của bà K là 150.000.000 đồng.

[3] Về số tiền đã trả:

Ngày 17/7/2016 bà K có cho bà L và ông T vay 80.000.000 đồng. Bà L và ông T có thế chấp cho bà K giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo số tiền vay.

Bà K cho rằng bà L đã nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chỉ thanh toàn cho bà 70.000.000 đồng chứ không phải 100.000.000 đồng như đã thỏa thuận nhưng không có chứng cứ gì chứng minh.

Bà K có cung cấp cho Tòa án các đĩa CD ghi âm lại các cuộc hội thoại giữa bà K và bà L để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nhưng nội dung các cuộc hội thoại không thể hiện rõ thời gian vay tiền, số tiền vay cụ thể từng đợt cũng như việc thế chấp bằng khoán. Bà K còn yêu cầu Tòa án cho đối chất với những người làm chứng. Tòa án có yêu cầu bà K cung cấp địa chỉ của những người làm chứng do bà cung cấp nhưng bà K trình bày những người làm chứng hiện nay đã thay đổi địa chỉ khác không biết ở đâu nên không thể cung cấp cho Tòa án và xin rút lại yêu cầu này, nên Tòa án cũng không thể thu thập, xác minh lời khai của những người làm chứng do bà K cung cấp.

Thấy rằng, ngày 15/7/2017 bà L và bà K có ký giấy thỏa thuận như sau: Bà L đồng ý với bà K chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giá 100.000.000 đồng, bà K và bà L đều thừa nhận chữ ký của mình trên giấy thỏa thuận trên. Thực tế, bà L đã nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, có căn cứ xác định đối với khoản vay 80.000.000 đồng ngày 17/7/2016 bà L đã thanh toán xong cho bà K.

Đối với các khoản bà L vay của bà K như: Ngày 14/8/2016: 20.000.000 đồng; ngày 26/8/2016: 20.000.000 đồng; ngày 30/8/2016: 25.000.000 đồng bà L đều thừa nhận có vay của bà K và bà L có ký tên. Bà L thừa nhận có vay của bà K 5.000.000 đồng để chuộc hộ khẩu nhưng bà L cho rằng các khoản nợ trên bà đã trả xong cho bà K nhưng không được bà K thừa nhận và bà L không có chứng cứ chứng minh. Bà L chỉ cung cấp được biên nhận ngày 25/01/2017 thể hiện bà L có trả cho bà K số tiền

40.000.000 đồng có ký nhận của bà K. Bà K cho rằng số tiền này không liên quan đến số nợ đang tranh chấp, bà K trình bày không thống nhất, lúc thì cho rằng đây là khoản vay trả góp, lúc thì cho rằng là khoản vay thế chấp bằng khoán khác nhưng không có chứng cứ chứng minh khoản tiền này là để thanh toán cho khoản nợ khác nên xác định bà L đã trả cho bà K 40.000.000 đồng. Như vậy, bà L và ông T còn phải trả cho bà K số tiền vay còn thiếu là 30.000.000 đồng [(20.000.000 đồng + 20.000.000 đồng + 25.000.000 đồng + 5.000.000 đồng) - 40.000.000 đồng]. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc bà L và ông T trả cho bà K số tiền vay còn thiếu 5.000.000 đồng là không đúng. Kháng cáo của bà K là có căn cứ chấp nhận một phần, cần sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc bà Lại Thị L và ông Lê Tấn T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị Trúc K 30.000.000 đồng. Số tiền còn lại mà bà K yêu cầu bà L và ông T phải trả không được chấp nhận là 50.000.000 đồng.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị buộc bà L và ông T liên đới trả cho bà K 10.000.000 đồng là chưa phù hợp.

[5] Ngoài ra bà K còn kháng cáo bổ sung yêu cầu bà L và ông T trả lãi theo quy định của pháp luật. Thấy rằng, tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 4 năm 2018 và trong quá trình giải quyết theo thủ tục sơ thẩm bà K không yêu cầu tính lãi, đến cấp phúc thẩm bà K mới yêu cầu, do tính chất và phạm vi của xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét yêu cầu này của bà K.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lại Thị L và ông Lê Tấn T phải liên đới chịu 1.500.000 đồng án phí đối với phần yêu cầu của bà K được Tòa án chấp nhận.

Bà Lê Thị Trúc K phải chịu 2.500.000 đồng án phí đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa bản án sơ thẩm nên bà Lê Thị Trúc K kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị Trúc K;

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 115/2018/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ;

Căn Điều 35, Điều 184, Điều 186, Điều 271, Điều 273 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 471, 474, 478 Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 2014 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Trúc K "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với bà Lại Thị L và ông Lê Tấn T.

Buộc bà Lại Thị L và ông Lê Tấn T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị Trúc K 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Trúc K yêu cầu bà Lại Thị L và ông Lê Tấn T liên đới trả 50.000.000 đồng.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 648 Bộ luật Dân sự 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Lại Thị L và ông Lê Tấn T phải liên đới chịu 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Lê Thị Trúc K phải chịu 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 2.000.000 đồng bà K đã nộp theo biên lai số 0002665 ngày 18/4/2018 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đ sang thi hành án phí nên bà K còn phải chịu 500.000 đồng.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Lê Thị Trúc K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Lê Thị Trúc K số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0003315 ngày 17/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thu